

Số: 14.08.2019/CV-TĐ

V/v giải trình chênh lệch doanh thu lợi
nhuận 6 tháng đầu năm 2019 so với 6
tháng cuối năm 2018.

Hưng Yên, ngày 14 tháng 08 năm 2019

GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Thuận Đức (Mã chứng khoán TDP) xin gửi lời chào trân trọng tới Quý cơ quan!

Căn cứ:

- Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thuận Đức.

Công ty chúng tôi xin giải trình với Quý cơ quan về sự biến động doanh thu và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019 so với 6 tháng đầu năm 2018 như sau:

CHỈ TIÊU	6 tháng đầu		Chênh lệch	
	Năm 2019	Năm 2018	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	488.945.783.801	315.534.400.726	173.411.383.075	154,96
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	488.945.783.801	315.534.400.726	173.411.383.075	154,96
4. Giá vốn hàng bán	424.250.806.938	266.855.464.317	157.395.342.621	158,98
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.694.976.363	48.678.936.409	16.016.040.454	132,90
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.096.213.418	360.481.458	735.731.960	304,10
7. Chi phí tài chính	20.809.340.464	11.581.596.801	9.227.743.663	179,68
8. Chi phí bán hàng	8.841.158.087	5.894.084.104	2.947.073.983	150,00
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.458.336.862	10.990.036.997	468.299.865	104,26
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	24.682.354.868	20.573.699.965	4.108.654.903	119,97
11. Thu nhập khác	920.885.805	854.179.065	66.706.740	107,81
12. Chi phí khác	1.477.721.615	385.354.619	1.092.366.996	383,47
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(556.835.810)	468.824.446	(1.025.660.256)	(118,77)



14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.125.519.058	21.042.524.411	3.082.994.647	114,65
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.876.075.308	4.172.571.009	1.703.504.299	140,83
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	18.249.443.750	16.869.953.402	1.379.490.348	108,18

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2019 so với 6 tháng đầu năm 2018 đạt 108,18% tăng 8,18% tương đương tăng 1.379.490.348 đồng.

Nguyên nhân:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2019 đạt 154,96 % so với 6 tháng đầu năm 2018 tương đương doanh thu thuần tăng 173.411.383.075 đồng.
2. Doanh thu hoạt động tài chính cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2019 đạt 304,10 % so với 6 tháng đầu năm 2018 tương đương tăng 735.731.960 đồng.
3. Giá vốn hàng bán cùng với các khoản chi phí bán hàng, chi phí tài chính quý 6 tháng đầu năm 2019 đều tăng nhiều hơn so với 6 tháng đầu năm 2018 từ 50% đến 79,68%. Nhưng chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2019 chỉ tăng 4,26% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 6 tháng đầu năm 2019 thị trường kinh doanh trên khắp các địa bàn cả nước và thị trường xuất khẩu túi siêu thị shopping bag đều tăng so với cùng kỳ năm 2018, riêng doanh thu xuất khẩu túi siêu thị 6 tháng đầu năm 2019 đạt 133,92% tăng 33,92% so với cùng kỳ năm trước tương đương với 44.546.795.236 đồng. Đồng thời các khoản mục chi phí của 6 tháng đầu năm 2019 cũng tăng nhiều hơn so với tỷ trọng tăng doanh thu đặc biệt là chi phí bán hàng, giá vốn hàng bán. Do vậy đã làm cho tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2019 tăng 8,18% tương đương tăng 1.379.490.348 đồng so với 6 tháng đầu năm 2018.

Trên đây là ý kiến giải trình của Công ty Cổ phần Thuận Đức về chênh lệch doanh thu lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2019 so với 6 tháng đầu năm 2018.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban Tổng Giám đốc
- UBCKNN;
- Lưu VT, TCCB (T)

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Cường